

Biểu số 2.2
DANH MỤC DỰ ÁN DỰ KIẾN TẠNG KẾ HOẠCH ĐẦU TƯ CÔNG NGUỒN XSKT DO TỈNH QUAN LÝ VÀ PHÂN
BỔ NĂM 2020

(Kèm theo Nghị quyết số 376/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân tỉnh)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	<u>TỔNG SỐ</u>					968.649	886.787	136.119	10.500		298.283	
	Thực hiện đầu tư					968.649	886.787	136.119	10.500	-	298.283	
1	Giáo dục và đào tạo					252.613	189.226	43.479	9.500	-	97.143	
2	Giao thông					565.161	565.161	73.740	1.000	-	173.740	
3	Y tế					150.875	132.400	18.900	-	-	27.400	
I	Giáo dục và đào tạo					252.613	189.226	43.479	9.500	-	97.143	
(1)	Các dự án chuyển tiếp hoàn thành sau năm 2020					138.234	108.032	26.479	-	-	43.160	
a	Chương trình					138.234	108.032	26.479	-	-	43.160	
	- Chương trình kiên cố hóa trường lớp học giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn tỉnh Đồng Tháp				233/2019/NQ-HĐND ngày 02/4/2019 của HĐND tỉnh	138.234	108.032	26.479	-	-	43.160	
	* Phân bổ chi tiết như sau:					138.234	108.032	26.479	-	-	43.160	
1	Sở Giáo dục và Đào tạo					34.715	34.715	4.779	-	-	5.799	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	Trường THPT Lai Vung 1	Sở GD&ĐT	10PH+2 PCN+ TB+HMP	2018-2020	1237/QĐ-UBND.HC ngày 12/10/2017 của UBND Tỉnh	19.195	19.195	3.774			3.970	
	Trường THCS-THPT Phú Thành A	Sở GD&ĐT	9PH+19 PCN+TB+HMP	2018-2020	1311/QĐ-UBND.HC ngày 30/10/2017 của UBND Tỉnh	15.520	15.520	1.005			1.829	
2	Hỗ trợ huyện Cao Lãnh					21.035	14.341	1.300	-	-	3.300	
	Trường THCS Nguyễn Văn Dừng	UBND HCL	13PH+17 PCN+ TB+HMP	2018-2020	527/QĐ-UBND ngày 30/10/2017 của UBND huyện	21.035	14.341	1.300			3.300	
3	Hỗ trợ huyện Châu Thành					13.100	9.640	4.500	-	-	6.000	
	Trường MN An Khánh A	UBND HCT	6PH+13 PCN+TB+MHP	2019-2021	1905/QĐ-UBND ngày 28/10/2019 của UBND huyện	13.100	9.640	4.500			6.000	
4	Hỗ trợ huyện Hồng Ngự					22.826	15.007	6.000	-	-	9.000	
	Trường TH Thường Lạc	UBND H. HN	18PH+5 PCN+TB+HMP	2020-2021	2283/QĐ-UBND ngày 29/7/2019 của UBND huyện	22.826	15.007	6.000			9.000	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
5	Hỗ trợ thị xã Hồng Ngự					10.864	10.864	3.900	-	-	6.864	
	Trường TH An Thạnh 2	UBND TXHN		2019-2020	360/QĐ-UBND ngày 25/10/2018 của UBND thị xã Hồng Ngự	10.864	10.864	3.900			6.864	
6	Hỗ trợ thành phố Sa Đéc					14.751	11.879	5.000	-	-	7.000	
	Trường THCS Võ Thị Sáu	UBND TPSĐ	15PH+3 PCN+T B+HMP	2020-2021	Số 205/QĐ-UBND.XDCB ngày 30/10/2019 của UBND TPSĐ	14.751	11.879	5.000			7.000	
7	Hỗ trợ huyện Lai Vung					20.943	11.586	1.000	-	-	5.197	
	Trường TH Vĩnh Thới 2	UBND H. L Vung	13PH+P CN9+T B+HMP	2018-2020	Số 182/QĐ-UBND-ĐTXD ngày 24/7/2018	20.943	11.586	1.000			5.197	
(2)	Các dự án khởi công mới năm 2020					114.379	81.194	17.000	9.500	-	53.983	
a	Dự án nhóm C					114.379	81.194	17.000	9.500	-	53.983	
1	- Hỗ trợ huyện Hồng Ngự thực hiện đề án 8 xã biên giới					48.466	37.111	7.500	-	-	17.500	
	+ Trường THCS Thường Lạc (tên cũ: Trường THCS Thường Thới Hậu B)	UBND HHN	4PH+7P CN+TB +HMP	2018-2020	3794/QĐ-UBND ngày 25/10/2018, số 1817/QĐ-UBND ngày 29/4/2020 của UBND huyện	9.298	8.111	1.000			3.500	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư		Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú	
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước			Thanh toán nợ XDCB
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	+ Trường TH Thường Lạc 2 (tên cũ: Trường TH Thường Thới Hậu B2)	UBND HHN	10PH+1 PCN+ TB+HMP	2019-2021	Số 3753/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1870/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	18.201	13.300	3.000			7.000	
	+ Trường THCS Thường Thới Hậu A	UBND HHN	10PH+8 PCN+TB+HMP	2019-2021	Số 3752/QĐ-UBND ngày 30/10/2019, số 1869/QĐ-UBND ngày 06/5/2020 của UBND huyện	20.967	15.700	3.500			7.000	
2	Hỗ trợ huyện Cao Lãnh					65.913	44.083	9.500	9.500	-	36.483	
	+ Trường MN Phương Thịnh	UBND HCL	9PH+13 PCN+TB+HMP	2018-2020	Số 475/QĐ-UBND ngày 29/10/2018 của UBND huyện	14.814	11.683	3.000	3.000		11.683	
	+ Trường MN Ba Sao	UBND HCL	9PH+12 PCN+TB+HMP	2019-2021	Số 578/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và 621/QĐ-UBND ngày 18/11/2019 của UBND huyện	26.933	18.200	3.500	3.500		18.200	
	+ Trường TH Bình Hàng Trung 2	UBND HCL	14PH+1 PCN+ TB+HMP	2019-2021	Số 580/QĐ-UBND ngày 31/10/2019 và số 739/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện	24.166	14.200	3.000	3.000		6.600	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
II	Giao thông					565.161	565.161	73.740	1.000	-	173.740	
(1)	Các dự án khởi công mới năm 2020					565.161	565.161	73.740	1.000	-	173.740	
a	Dự án nhóm C					236.990	236.990	53.740	-	-	103.740	
	- Nâng cấp đường ĐT 848 đoạn từ vòng xoay khu công nghiệp C đến nút giao ĐT 849	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông Tỉnh		2019-2021	Số 1675/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	79.125	79.125	33.740			53.740	
	- Nâng cấp đường ĐT 848 đoạn từ nút giao ĐT 849 đến cầu Cái Tàu Thượng	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông Tỉnh		2019-2021	Số 1676/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	79.000	79.000	10.000			25.000	
	- Nâng cấp đường ĐT 846 đoạn Mỹ An - Bằng Lăng.	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông Tỉnh		2020-2022	Số 1674/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	78.865	78.865	10.000			25.000	
b	Dự án nhóm B					328.171	328.171	20.000	1.000	-	70.000	
	- Nâng cấp mở rộng đường ĐT 841 và xây dựng mới cầu Sở Thượng 2 (tên cũ là Đường ĐT 841 và Cầu Nguyễn Tất Thành 2)	Ban QLDA ĐTXD CT Giao thông Tỉnh		2019-2022	Số 1673/QĐ-UBND.HC ngày 30/12/2019 của UBND Tỉnh	328.171	328.171	20.000	1.000		70.000	
III	Y tế					150.875	132.400	18.900	-	-	27.400	
(1)	Các dự án dự kiến hoàn thành năm 2020					150.875	132.400	18.900	-	-	27.400	
a	Dự án nhóm B					150.875	132.400	18.900	-	-	27.400	

TT	Danh mục dự án	Chủ đầu tư	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công và hoàn thành	Quyết định đầu tư			Kế hoạch vốn năm 2020			Dự kiến điều chỉnh Kế hoạch vốn năm 2020	Ghi chú
					Số quyết định; ngày, tháng, năm ban hành	TMDT		Tổng số	Trong đó:			
						Tổng số (tất cả các nguồn vốn)	Trong đó: vốn XSKT		Thu hồi các khoản vốn ứng trước	Thanh toán nợ XDCB		
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13
	- Bệnh viện Đa khoa huyện Cao Lãnh	Ban QLDA ĐTXD CT DD&CN Tỉnh	150 GB	2017-2020	1240/QĐ-UBND.HC ngày 31/10/2016 của UBND Tỉnh	97.536	87.700	9.600			15.100	
	- Nâng cấp Bệnh viện y học Cổ truyền Đồng Tháp (giai đoạn 2)	BV YHCT	250 GB	2017-2020	1135/QĐ-UBND.HC ngày 06/10/2016 của UBND Tỉnh	53.339	44.700	9.300			12.300	

Ghi chú

(*): Giao Sở Tài chính phối hợp Sở Kế hoạch và Đầu tư và các đơn vị liên quan phân khai chi tiết, trình UBND Tỉnh quyết định.